

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CẦU NGANG  
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 14/8/2020

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Mai Thanh Chúc

**Ông Nguyễn Hoàng Nam**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Phương Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh:**  
Ông Nguyễn Tấn An, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2020/TLST-HNGĐ, ngày 08 tháng 5 năm 2020 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 10/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/QĐST –HNGĐ ngày 27/7/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Thạch Thị Thi Đ, sinh năm 1990. Có mặt.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Chỗ ở hiện nay: Ấp G, xã Tr, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Anh Thạch N, sinh năm 1986. Vắng mặt không có lý do.

Địa chỉ: Ấp K, xã K, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Thạch Thị Thi Đ trình bày:*

**- Về hôn nhân:** Năm 2015 chị và anh Thạch N quen biết nhau qua mai mối nên tiến tới hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau rất hạnh phúc, đến năm 2017 giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, thường hay cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và

không còn quan tâm đến nhau, nên vợ chồng chị đã sống ly thân từ đầu năm 2019 đến nay. Xét thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ yêu cầu xin ly hôn với anh Thạch N.

- *Về con chung*: Có hai con tên Thạch Hoàng N, sinh ngày 21/10/2015 và Thạch Quốc H, sinh ngày 24/4/2017 chị Đ đồng ý để anh N tiếp tục nuôi dưỡng Thạch Hoàng N, riêng Thạch Quốc H chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và không ai cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại phiên tòa hôm nay bị đơn anh Thạch N vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên không có lời trình bày.*

### **Lời phát biểu của Kiểm sát viên:**

*Về việc tuân theo pháp luật*: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nguyên đơn chấp hành đúng quy định theo Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quy định theo Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được ly hôn với anh N; Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Thạch Quốc H, sinh ngày 24/4/2017 và anh N được tiếp tục nuôi dưỡng Thạch Hoàng N, sinh ngày 21/10/2015; Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét .

Về án phí: Chị Thạch Thị Thi Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có vùng kinh tế đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí và án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho chị Đ theo quy định của pháp luật.

Phần kiến nghị: Không có

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Thạch N đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Chị Đ khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung nên Tòa án thụ lý theo quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và thuộc thẩm quyền quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Về hôn nhân*: Chị Đ và anh N xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Căn cứ vào Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị Đ và anh N là hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Đ trình bày nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cự cãi nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, hiện vợ chồng không còn quan tâm đến nhau và đến nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Đ cương quyết xin ly hôn với anh N.

Quá trình giải quyết Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tạo điều kiện cho vợ chồng chị Đ hàn gắn, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, thể hiện anh N không có thiện chí hàn gắn. Do đó, căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đ.

[4] *Về con chung*: Chị Đ và anh N có hai con tên Thạch Hoàng N, sinh ngày 21/10/2015 và Thạch Quốc H, sinh ngày 24/4/2017. Xét trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh N là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu N và chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung của anh, chị đều đảm bảo sự phát triển về mọi mặt của cháu N và cháu H. Nên chấp nhận để chị Đ được tiếp tục nuôi dưỡng Thạch Quốc H, sinh ngày 24/4/2017 và anh N được tiếp tục nuôi dưỡng Thạch Hoàng N, sinh ngày 21/10/2015 là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[6] *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Thạch Thị Thi Đ là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở xã có vùng kinh tế đặc biệt khó khăn, có đơn xin miễn nộp tiền án phí và được Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đ được miễn nộp toàn bộ án phí.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, 35, 39, 147, 227, 235 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 12, 14 và Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho chị Thạch Thị Thi Đ được ly hôn với anh Thạch N

2. *Về con chung*:

Chị Thạch Thị Thi Đ được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Thạch Quốc H, sinh ngày 24/4/2017.

Anh Thạch N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Thạch Hoàng N, sinh ngày 21/10/2015.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

3. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

4. *Về tài sản và nợ phải thu, phải trả*: Các đương sự không khởi kiện, không tranh chấp nên không xem xét.

5. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Chị Thạch Thị Thi Đ được miễn nộp toàn bộ án phí.

6. *Về quyền kháng cáo*:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,*

*7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Ngang;
- CCTHADS huyện Cầu Ngang;
- Các đương sự;
- UBND xã Vĩnh Kim;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Thanh Mai**